



MCH: UPCOM

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Thu nhập tài chính giảm ảnh hưởng đến lợi nhuận năm 2025

Giá Mục tiêu

169.000 Đồng

TRUNG LẬP

Ngày báo cáo: 14/02/2025

Giá CP ngày 13/02/2025: 153.900 đồng

% Tăng giá: +9,8%

NGÀNH: HÀNG TIÊU DÙNG

CVPTCC: Nguyễn Trần Phương Nga

Email: ngantp@ssi.com.vn

SĐT: +84-28 3824 2897 ext. 6731

Chỉ tiêu cơ bản

Vốn hóa (tỷ đồng): 161.915

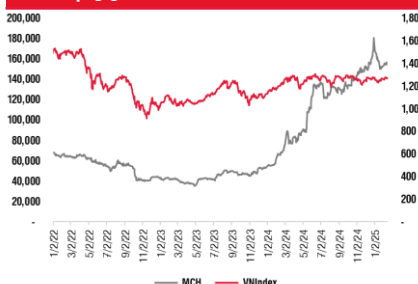
KLGDTB 3 tháng (CP): 151.973

Giá Cao/Thấp nhất 52W: 180,6/65,1

Tỷ lệ SHNN(%): 2,7

Tỷ lệ sở hữu NN (%): 0

Biến động giá



3M YTD 1Y 2Y

VNIndex 2% 0% 7% 22%

MCH 5% -15% 136% 266%

Nguồn: SSI Research

Thông tin cơ bản về công ty

CTCP Hàng tiêu dùng Masan (UPCOM: MCH) là công ty con trực tiếp của Masan Consumer Holdings (không bao gồm hoạt động kinh doanh bia, Masan Brewery). Kể từ khi thành lập, công ty đã mở rộng danh mục thương hiệu sang 8 danh mục hàng tiêu dùng nhanh (FMCG) và trở thành một trong những công ty tiêu dùng thiết yếu hàng đầu của Việt Nam.

➤ **Điều chỉnh giảm giá mục tiêu và dự báo lợi nhuận:** Do KQKD Q4/2024 yếu hơn và khả năng thu nhập tài chính giảm, chúng tôi hạ dự báo lợi nhuận năm 2025 và giá mục tiêu 1 năm xuống 169.000 đồng/cp (chúng tôi lưu ý giá cổ phiếu đã điều chỉnh sau đợt phát hành quyền mua vào đầu tháng 2). Chúng tôi khuyến nghị TRUNG LẬP đối với cổ phiếu MCH.

➤ **KQKD Q4/2024:** MCH ghi nhận doanh thu thuần và lợi nhuận ròng lần lượt đạt 8,9 nghìn tỷ đồng (+5% svck) và 2,37 nghìn tỷ đồng (+2,7% svck). Kết quả lợi nhuận này thấp hơn ước tính của chúng tôi do (i) các nhà phân phối giảm hàng tồn kho thực phẩm tiện lợi sau cơn bão trong Q3/2024, (ii) doanh thu hoá mỹ phẩm thấp do gián đoạn phân phối tạm thời đối với các sản phẩm NET và (iii) thu nhập tài chính giảm sau khi chi trả một khoản lớn cổ tức cho các nhà đầu tư.

➤ **Triển vọng:** Chúng tôi kỳ vọng tiêu dùng phục hồi sẽ hỗ trợ MCH đạt tăng trưởng doanh thu tốt hơn trong năm 2025 (35,5 nghìn tỷ đồng, 15% svck). Mặc dù tăng trưởng EBITDA ổn định cùng với tiêu dùng phục hồi, chúng tôi dự báo thu nhập tài chính giảm sau khi đã chi trả cổ tức mạnh trong năm 2024. Theo đó, tăng trưởng lợi nhuận ròng có khả năng sẽ chậm lại ở mức tăng trưởng một chữ số (8,3 nghìn tỷ đồng, 4% svck). Trong dài hạn, nhờ lợi thế R&D cạnh tranh, MCH có thể thực hiện các chiến lược đổi mới và cao cấp hóa để củng cố thị phần. Điều này cùng với tiềm năng xuất khẩu sẽ giúp lợi nhuận phục hồi với tốc độ tăng trưởng 2 chữ số, và vượt trội hơn so với các công ty F&B niêm yết khác.

Tỷ đồng	2022	2023	2024	2025F
Doanh thu thuần	26.977	28.241	30.897	35.544
Lợi nhuận ròng	5.533	7.194	7.921	8.263
Tăng trưởng lợi nhuận ròng (%)	0,1%	30,0%	10,1%	4,3%
EPS (VND)	7.612	9.888	10.769	11.065
ROE (%)	28,0%	29,5%	42,0%	54,3%
Ng/VCSH	0,33	0,33	0,96	0,37
Tỷ suất cổ tức (%)	0,0%	7,2%	4%	1%
P/E (x)	9,8	8,8	23,7	19,5
P/B (x)	2,5	2,5	17,3	8,6
EV/EBITDA (x)	7,4	6,6	18,9	15,0

Nguồn: MCH, SSI Research

Visit SSI Research on Bloomberg at **RESP SSIV <GO>**

SSI Research Web Portal: <https://www.ssi.com.vn/khach-hang-ca-nhan/bao-cao-cong-ty>

KQKD Q4/2024

(Tỷ đồng)	4Q24	4Q23	YoY	3Q24	QoQ	% hoàn thành kế hoạch năm	Biên lợi nhuận			
							4Q24	4Q23	3Q24	2024
Doanh thu thuần	8.942,3	8.493,4	5,3%	7.987,0	12,0%	95,1%				
Lợi nhuận gộp	4.176,3	4.017,0	4,0%	3.736,2	11,8%		46,7%	47,3%	46,8%	46,6%
Lợi nhuận hoạt động	3.913,9	2.305,4	69,8%	2.083,6	87,8%		43,8%	27,1%	26,1%	25,6%
EBIT	2.817,1	2.707,5	4,0%	2.455,3	14,7%		31,5%	31,9%	30,7%	30,2%
EBITDA	3.497,0	3.363,5	4,0%	2.455,3	42,4%		39,1%	39,6%	30,7%	32,4%
LNTT	2.704,7	2.616,0	3,4%	2.376,9	13,8%		30,2%	30,8%	29,8%	29,1%
Lợi nhuận ròng	2.367,9	2.306,1	2,7%	2.094,4	13,1%		26,5%	27,2%	26,2%	25,6%
Lợi nhuận ròng thuộc cổ đông công ty mẹ	2.329,2	2.274,7	2,4%	2.072,3	12,4%		26,0%	26,8%	25,9%	25,3%

Nguồn: MCH, SSI Research

Trong Q4/2024, MCH ghi nhận doanh thu thuần và lợi nhuận ròng lần lượt đạt 8,9 nghìn tỷ đồng (+5% svck) và 2,37 nghìn tỷ đồng (+2,7% svck). Kết quả lợi nhuận này thấp hơn ước tính của chúng tôi do (i) các nhà phân phối giảm hàng tồn kho thực phẩm tiện lợi sau cơn bão trong Q3/2024, (ii) doanh thu hoá mỹ phẩm thấp do gián đoạn phân phối tạm thời đối với các sản phẩm NET và (iii) thu nhập tài chính giảm sau khi chi trả một khoản lớn cổ tức cho các nhà đầu tư.

Tỷ đồng	4Q24	4Q23	Tăng trưởng svck	Cơ cấu doanh thu
Gia vị	3.528	3.292	7,2%	39%
Thực phẩm tiện lợi	2.241	2.343	-4,4%	25%
Cà phê	638	565	12,9%	7%
Đồ uống	1.391	1.327	4,8%	16%
Hóa mỹ phẩm (HPC)	494	562	-12,1%	6%
Khác	650	403	61,2%	7%
Tổng doanh thu	8.942	8.492	5,3%	100%

Nguồn: MCH, SSI Research

- Tăng trưởng doanh thu gia vị Q4/2024 đạt 7,1% svck**, tương đương mức tăng trong 9T2024. Biên lợi nhuận gộp cải thiện từ 53,8% trong Q4/2023 lên 55,5% trong Q4/2024 nhờ thay đổi cơ cấu sản phẩm (giảm doanh thu từ hạt nêm, vốn có biên lợi nhuận thấp hơn), tăng giá tương ớt từ tháng 7/2024, và xu hướng cao cấp hóa các sản phẩm nước mắm.
- Doanh thu thực phẩm tiện lợi giảm trong Q4/2024** do việc giảm hàng tồn kho của các nhà phân phối sau bão Yagi trong Q3/2024. Theo đó, doanh thu giảm 4,4% svck và biên lợi nhuận gộp giảm 430 điểm cơ bản trong quý 4. Tuy nhiên, nếu nhìn tổng quan 2024 thì doanh thu thực phẩm tiện lợi tăng 8,4% svck và biên lợi nhuận gộp cải thiện 190 điểm cơ bản phần lớn nhờ đóng góp doanh thu từ sản phẩm cao cấp (doanh thu Omachi tăng 13% svck trong năm 2024).

- **Tăng trưởng doanh thu đồ uống chậm lại trong Q4/2024 xuống 4,8% svck**, chậm hơn nhiều so với mức tăng 18% svck trong 9T2024, do công ty quyết định hoãn lại một số đợt ra mắt sản phẩm mới đến năm 2025. Chúng tôi lưu ý rằng các sản phẩm mới chiếm 12% tổng cơ cấu doanh thu của danh mục sản phẩm này trong năm 2024. Biên lợi nhuận gộp thu hẹp từ 50,5% trong Q4/2023 xuống 48,3% trong Q4/2024 do chi phí nguyên liệu và đóng gói cao hơn, cũng như biên lợi nhuận từ sản phẩm mới thấp hơn.
- **Doanh thu hóa mỹ phẩm giảm 12% svck trong Q4/2024**, ngược lại với mức tăng 3,2% svck trong 9T2024, do gián đoạn phân phối tạm thời của các sản phẩm NET trong quá trình tích hợp hệ thống sau thương vụ M&A. Trong khi đó, thương hiệu Chante ghi nhận mức tăng trưởng mạnh 24% svck trong Q4/2024, nhờ việc công ty bắt đầu bán các sản phẩm Chante qua các kênh thương mại hiện đại từ tháng 10. Trước đó, sản phẩm Chante chủ yếu chỉ bán qua chuỗi bách hóa Winmart trong hệ thống của Tập đoàn Masan. Biên lợi nhuận gộp giảm từ 35% trong Q4/2023 xuống 33,3% trong Q4/2024, do chi phí nguyên liệu tăng.
- **Doanh thu cà phê ghi nhận mức tăng trưởng tích cực 13% svck trong Q4/2024**, nhờ việc tăng giá bán sau khi chi phí nguyên liệu tăng.

Lũy kế cả năm 2024, MCH ghi nhận doanh thu thuần và lợi nhuận ròng lần lượt đạt 30,9 nghìn tỷ đồng (9% svck) và 7,92 nghìn tỷ đồng (10% svck). Việc đổi mới và cao cấp hóa sản phẩm tiếp tục là động lực tăng trưởng chính của MCH.

- Doanh thu từ sản phẩm mới tăng mạnh lên 2,1 nghìn tỷ đồng (87% svck) trong năm 2024, với các sản phẩm mới từ tất cả các danh mục, như tương ớt Chinsu Siracha, lẩu tự sôi Omachi, nước giặt Chante, Trà Bupnon Tea365, v.v.
- Xu hướng cao cấp hóa sản phẩm được áp dụng với gia vị và thực phẩm tiện lợi. Đối với nước mắm, đóng góp từ sản phẩm cao cấp tăng từ 16,1% trong năm 2023 lên 17,7% trong năm 2024, trong khi đóng góp từ thực phẩm tiện lợi tăng từ 47,8% trong năm 2023 lên 50,6% trong năm 2024.

Triển vọng

Kế hoạch công ty: MCH đặt kế hoạch doanh thu và EBITDA 2025 lần lượt là 33,5 – 35,5 nghìn tỷ đồng (+8-15% svck) và 8,8 – 9,3 nghìn tỷ đồng (+6-12% svck).

Chúng tôi kỳ vọng nền kinh tế phục hồi sẽ rõ ràng hơn trong năm 2025. Với lợi thế R&D cạnh tranh, MCH có thể thực hiện các chiến lược đổi mới và cao cấp hóa để củng cố thị phần và đạt tăng trưởng cao hơn các công ty F&B khác. Tận dụng nền tảng bán lẻ của Winmart trong hệ sinh thái Tập đoàn Masan, MCH có thể phát triển nhanh hơn các công ty cùng ngành khác nhờ sự chuyển dịch từ GT sang MT trong dài hạn.

- **Gia vị:** Mặc dù MCH đã giành được phần lớn thị phần (45% cho nước mắm trong năm 2023), các sản phẩm cao cấp vẫn còn dư địa để mở rộng tỷ trọng trong doanh thu (17,7% trong năm 2024 đối với nước mắm). MCH đang mở rộng các loại chấm công thức để đáp ứng khẩu vị đa dạng và nhu cầu tiện lợi của người tiêu dùng.
- **Thực phẩm tiện lợi:** Hãng Omachi có khả năng để gia tăng thêm thị phần (từ 17% trong năm 2023), trong khi các đồ ăn sẵn và thay thế bữa ăn tại nhà (ready to eat meal and home meal replacement) sẽ hỗ trợ thúc đẩy tăng trưởng.
- **Đồ uống và cà phê:** MCH dự kiến sẽ tinh chỉnh và ra mắt các sản phẩm mới để đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng trẻ, và nắm bắt sự thay đổi sở thích của khách hàng hướng đến những đồ uống ít ngọt hơn. Trà Bupnon Tea365, Wakeup 247, và Wakeup Mekong là các sản phẩm đồ uống mới.
- **Hóa mỹ phẩm:** Chúng tôi kỳ vọng sự gián đoạn phân phối trong năm 2024 sẽ được giải quyết trong năm 2025, điều này sẽ giúp doanh thu NET phục hồi. Trong khi đó, việc đưa thương hiệu Chante vào kênh GT trên toàn quốc sẽ thúc đẩy doanh thu trong thời gian sắp tới.

Mặc dù tăng trưởng EBITDA ổn định và tiêu dùng phục hồi, chúng tôi dự báo thu nhập tài chính của MSH sẽ giảm sau khi chi trả cổ tức mạnh trong năm 2024. Theo đó, chúng tôi cho rằng lợi nhuận ròng của MCH sẽ tăng nhưng với tốc độ chậm hơn ở mức một chữ số.

Ước tính năm 2025 của chúng tôi như sau:

Tỷ đồng	2023	2024	2025F
Doanh thu thuần	28.241	30.897	35.544
svck	4,7%	9,4%	15,0%
Lợi nhuận gộp	12.974	14.405	16.414
Biên lợi nhuận gộp	45,9%	46,6%	46,2%
EBITDA	7.439	8.261	9.374
svck	14,3%	11,1%	13,5%
Lợi nhuận ròng	7.194	7.921	8.263
svck	30,0%	10,1%	4,3%

Nguồn: MCH, SSI Research

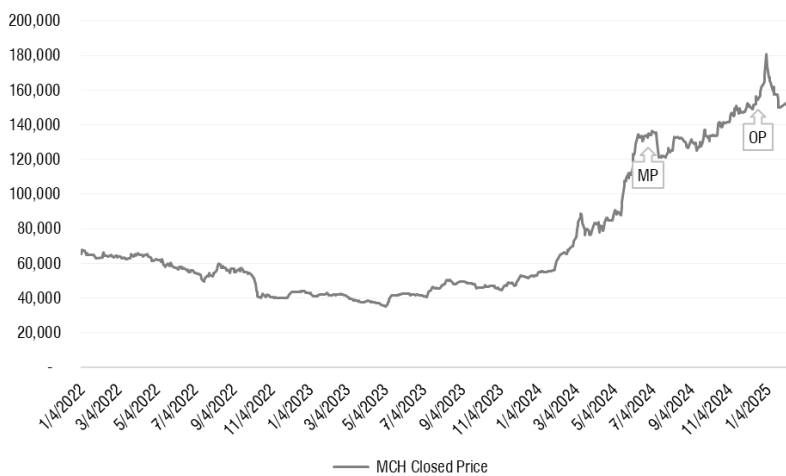
	2023	2024	2025F	2023 YoY	2024 YoY	2025F YoY
Doanh thu thuần	28.241	30.897	35.544	4,7%	9,4%	15,0%
Gia vị	10.446	11.195	12.538	18,2%	7,2%	12,0%
Thực phẩm tiện lợi	8.446	9.152	10.433	11,9%	8,4%	14,0%
Cà phê	1.625	1.769	2.034	11,5%	8,9%	15,0%
Đồ uống	4.595	5.249	6.299	15,8%	14,2%	20,0%
Hóa mỹ phẩm	1.837	1.809	2.171	17,1%	-1,5%	20,0%
Khác	1.292	1.723	2.068	-20,3%	33,4%	20,0%

Nguồn: MCH, SSI Research

Luận điểm đầu tư và định giá

Do chúng tôi đã điều chỉnh giảm lợi nhuận năm 2025, chúng tôi hạ giá mục tiêu 1 năm xuống **169.000 đồng/cp** (chúng tôi lưu ý giá cổ phiếu đã điều chỉnh sau đợt phát hành quyền mua vào đầu tháng 2). Với tiềm năng tăng giá là 10%, chúng tôi khuyến nghị **TRUNG LẬP** đối với cổ phiếu MCH. Việc chuyển cổ phiếu MCH sang sàn HOSE là yếu tố tiềm năng tăng cường thanh khoản. Tuy nhiên, điều này dự kiến xảy ra vào cuối năm 2025. Do đó, giá cổ phiếu MCH thiếu các yếu tố hỗ trợ trong ngắn hạn, chúng tôi khuyến nghị xem lại cổ phiếu này tại mức định giá hấp dẫn hơn.

Lịch sử khuyến nghị



Nguồn: SSI Research.

Ghi chú: BUY: Mua, OP: Khả quan, MP: Trung lập, UP: Kém khả quan

PHỤ LỤC: BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM

Tỷ đồng	2023	2024	2025F
Bảng cân đối kế toán			
+ Tiền và các khoản tương đương tiền	5.790	5.677	10.899
+ Đầu tư ngắn hạn	4.908	365	365
+ Các khoản phải thu ngắn hạn	10.989	1.705	12.796
+ Hàng tồn kho	2.178	2.582	1.880
+ Tài sản ngắn hạn khác	56	64	59
Tổng tài sản ngắn hạn	23.922	10.394	25.999
+ Các khoản phải thu dài hạn	9.338	10.363	3.554
+ GTCL Tài sản cố định	5.552	5.249	4.977
+ Bất động sản đầu tư	6	4	2
+ Tài sản dài hạn dở dang	275	332	332
+ Đầu tư dài hạn	295	347	347
+ Tài sản dài hạn khác	1.165	1.211	959
Tổng tài sản dài hạn	16.631	17.506	10.172
Tổng tài sản	40.553	27.900	36.170
+ Nợ ngắn hạn	13.729	14.600	13.361
Trong đó: vay ngắn hạn	8.469	9.067	6.695
+ Nợ dài hạn	448	1.972	1.081
Trong đó: vay dài hạn	227	1.764	383
Tổng nợ phải trả	14.177	16.572	14.442
+ Vốn góp	7.275	7.356	10.624
+ Thặng dư vốn cổ phần	3.610	3.649	3.649
+ Lợi nhuận chưa phân phối	16.124	923	6.937
+ Quý khác	-634	-600	519
Vốn chủ sở hữu	26.376	11.328	21.729
Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu	40.553	27.900	36.170
Lưu chuyển tiền tệ			
Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh	6.256	9.227	7.236
Dòng tiền từ hoạt động đầu tư	-7.088	11.474	-400
Dòng tiền từ hoạt động tài chính	1.034	-20.816	-1.615
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	202	-115	5.221
Tiền đầu kỳ	5.588	5.790	5.677
Tiền cuối kỳ	5.790	5.677	10.899
Các hệ số khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán hiện hành	1,74	0,71	1,95
Hệ số thanh toán nhanh	1,58	0,53	1,80
Hệ số thanh toán tiền mặt	0,78	0,41	0,84
Nợ ròng / EBITDA	0,26	0,40	0,06
Khả năng thanh toán lãi vay	17,69	28,49	25,12
Ngày phải thu	11,2	12,4	10,8
Ngày phải trả	42,1	48,0	53,1
Ngày tồn kho	55,9	52,7	42,6
Cơ cấu vốn			
Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	0,65	0,41	0,60
Nợ phải trả/Tổng tài sản	0,35	0,59	0,40
Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	0,54	1,46	0,66
Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,33	0,96	0,33
Nợ ngắn hạn/Vốn chủ sở hữu	0,32	0,80	0,31

Tỷ đồng	2023	2024	2025F
Báo cáo kết quả kinh doanh			
Doanh thu thuần	28.241	30.897	35.544
Giá vốn hàng bán	-15.267	-16.493	-19.130
Lợi nhuận gộp	12.974	14.405	16.414
Doanh thu hoạt động tài chính	1.854	1.801	1.079
Chi phí tài chính	-538	-378	-389
Thu nhập từ các công ty liên kết	0	0	0
Chi phí bán hàng	-5.328	-5.904	-6.718
Chi phí quản lý doanh nghiệp	-926	-976	-1.066
Lợi nhuận từ HĐKD	8.095	9.013	9.389
Thu nhập khác	4	-8	0
Lợi nhuận trước thuế	8.099	9.004	9.389
Lợi nhuận ròng	7.194	7.921	8.263
Lợi nhuận chia cho cổ đông	7.085	7.803	8.139
Lợi ích của cổ đông thiểu số	109	117	124
Chỉ số tài chính			
EPS cơ bản (VND)	6.738	7.421	7.661
Giá trị sổ sách (VND)	35.978	14.766	19.746
Cổ tức (VND/cổ phiếu)	16.800	9.500	2.000
EBIT	8.584	9.332	9.779
EBITDA	9.240	10.012	10.453
Tăng trưởng			
Doanh thu	4,7%	9,4%	15,0%
EBITDA	25,5%	8,4%	4,4%
EBIT	31,0%	8,7%	4,8%
Lợi nhuận ròng	30,0%	10,1%	4,3%
Vốn chủ sở hữu	17,5%	-57,1%	91,8%
Vốn điều lệ	0,0%	1,1%	44,4%
Tổng tài sản	21,0%	-31,2%	29,6%
Định giá			
P/E	8,8	23,7	19,9
P/B	2,4	17,3	7,7
Giá/Doanh thu	2,2	6,0	4,6
Tỷ suất cổ tức	19,3%	3,7%	1,3%
EV/EBITDA	6,5	18,9	15,1
EV/Doanh thu	2,1	6,1	4,4
Các hệ số khả năng sinh lời			
Tỷ suất lợi nhuận gộp	45,9%	46,6%	46,2%
Tỷ suất lợi nhuận hoạt động	25,4%	25,6%	24,5%
Tỷ suất lợi nhuận ròng	25,5%	25,6%	23,2%
CP bán hàng/Doanh thu thuần	18,9%	19,1%	18,9%
Chi phí quản lý/Doanh thu thuần	3,3%	3,2%	3,0%
ROE	29,5%	42,0%	50,0%
ROA	19,4%	23,1%	25,8%
ROIC	23,5%	28,7%	33,8%

Nguồn: MCH, SSI dự báo

CAM KẾT PHÂN TÍCH

Chuyên viên phân tích trong báo cáo này cam kết rằng (1) quan điểm thể hiện trong báo cáo phân tích này phản ánh chính xác quan điểm cá nhân đối với chứng khoán và/hoặc tổ chức phát hành và (2) chuyên viên phân tích đã/ đang/sẽ được miễn trách nhiệm bồi thường trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến khuyến nghị cụ thể hoặc quan điểm trong báo cáo phân tích này.

KHUYẾN NGHỊ

Mua: Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Khả quan: Ước tính tiềm năng tăng giá dưới 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Trung lập: Ước tính tiềm năng tăng giá tương đương so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Kém khả quan: Ước tính tiềm năng giảm giá dưới 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Bán: Ước tính tiềm năng giảm giá lớn hơn hoặc bằng 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Trong một số trường hợp, khuyến nghị dựa trên tiềm năng tăng giá 1 năm có thể được điều chỉnh lại theo ý kiến của chuyên viên phân tích sau khi cân nhắc một số yếu tố thị trường có thể làm ảnh hưởng đến giá cổ phiếu trong ngắn hạn và trung hạn.

TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ

Các thông tin, tuyên bố, dự báo và dự đoán trong báo cáo này, bao gồm cả các ý kiến đã thể hiện, được dựa trên các nguồn thông tin mà SSI cho là đáng tin cậy, tuy nhiên SSI không đảm bảo sự chính xác và đầy đủ của các thông tin này. Báo cáo không có bất kỳ thông tin nhạy cảm về giá chưa công bố nào. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này được đưa ra sau khi đã được xem xét kỹ càng và cẩn thận và dựa trên thông tin tốt nhất chúng tôi được biết, và theo ý kiến cá nhân của chúng tôi là hợp lý trong các trường hợp tại thời điểm đưa ra báo cáo. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này có thể thay đổi bất kỳ lúc nào mà không cần thông báo. Báo cáo này không và không nên được giải thích như một lời đề nghị hay lời kéo để đề nghị mua hay bán bất cứ chứng khoán nào. SSI và các công ty con và/ hoặc các chuyên viên, giám đốc, nhân viên của SSI và công ty con có thể có vị thế hoặc có thể ảnh hưởng đến giao dịch chứng khoán của các công ty được đề cập trong báo cáo này và có thể cung cấp dịch vụ hoặc tìm kiếm để cung cấp dịch vụ ngân hàng đầu tư cho các công ty đó.

Báo cáo này không được sử dụng dưới bất kỳ mục đích thương mại nào, và không được công bố công khai trên báo chí hay bất kỳ phương tiện nào khác nếu không được sự đồng ý của SSI. Người dùng có thể trích dẫn hoặc trình chiếu báo cáo cho các mục đích phi thương mại. SSI có thể có thỏa thuận cho phép sử dụng cho mục đích thương mại hoặc phân phối lại báo cáo với điều kiện người dùng trả phí cho SSI. SSI không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại trực tiếp hay thiệt hại do hậu quả phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hay nội dung báo cáo này. Việc sử dụng bất kỳ thông tin, tuyên bố, dự báo, và dự đoán nào trong báo cáo này sẽ do người dùng tự quyết định và tự chịu rủi ro.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm phân tích và tư vấn đầu tư

Hoàng Việt Phương

Giám đốc Trung Tâm phân tích và tư vấn đầu tư

phuonghv@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8729

Ví mô

Phạm Lưu Hưng

Kinh tế trưởng

hungpl@ssi.com.vn

SĐT: (+84 24) 3936 6321 ext. 8711

Phân tích Ngành Hàng tiêu dùng

Nguyễn Trần Phương Nga

Chuyên viên cao cấp Phân tích

ngantp@ssi.com.vn

SĐT: (+84 28) 3824 2897 ext. 6731

Dữ liệu

Nguyễn Thị Anh Thư

Chuyên viên hỗ trợ

thunta2@ssi.com.vn

SĐT: (+84 24) 3936 6321 ext. 8702

Chiến lược thị trường

Hồ Hữu Tuấn Hiều

Chuyên gia Chiến lược đầu tư

hieuhht1@ssi.com.vn

SĐT: (+84 24) 3936 6321 ext. 8704

Nguyễn Quốc Bảo

Chuyên viên cao cấp Chiến lược đầu tư

baonq1@ssi.com.vn

SĐT: (+84 28) 3824 2897 ext. 6737